TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vinh;
2. Bà Lê Thị Thuý Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 663/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 57a/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Thùy N, sinh năm 1992; CCCD số 072192004628, cấp ngày 14/7/2022; địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993, CCCD số 072093013201, cấp ngày 17/6/2022; địa chỉ: khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Thị Thùy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thùy N và anh Nguyễn Hữu T chung sống với nhau từ năm 2021, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay phường L, tỉnh Tây Ninh). Do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng ý kiến, anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, hay ghen tuông, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Anh T còn thường xuyên đánh đập và hù doạ chị. Anh

T không tôn trọng gia đình chị. Vào tháng 9 năm 2025, chị chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: chị N khai không có.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Nguyễn Hữu T, nhưng anh T không đến Tòa án nên không có lời khai, lời trình bày, anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 228, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Thùy N đối với anh Nguyễn Hữu T.

Chị Phạm Thị Thùy N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: chị N khai không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Hữu T có nơi cư trú tại khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu của chị N yêu cầu được ly hôn với anh T, thấy rằng:

[3.1] Chị Phạm Thị Thùy N và anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay phường L, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ từ năm 2025.

[3.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: chị N khai quá trình vợ chồng chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, hay ghen tuông, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuân, cãi nhau. Anh T còn thường xuyên đánh đập và hù doạ chị, không tôn trọng gia đình chị. Vào khoảng tháng 9 năm 2025, chị N chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập anh T đến Toà án để cung cấp lời khai và tham gia hòa giải tại Tòa án nhưng anh T không đến. Anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: chị Phạm Thị Thùy N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 227, 228, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của chị Phạm Thị Thùy N đối với anh Phạm Hữu T1.

Về hôn nhân: chị Phạm Thị Thùy N được ly hôn với anh Phạm Hữu T1.

Về con chung: chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: chị Phạm Thị Thùy N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008781 ngày 21

tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp đủ tạm ứng án phí.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân